

Bản án số: 385/2022/HS-PT
Ngày: 15-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Trường

Ông Mai Xuân Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 330/2022/TLPT-HS ngày 12 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo Phạm Thị H do có kháng cáo của Bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2022/HS-ST ngày 30/ 6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Thị H, sinh ngày 10 tháng 2 năm 1979 tại Đắc Lắc. Nơi ĐKNKTT: TPĐN. Chỗ ở hiện nay: TP Đà Nẵng. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Phật giáo; Con ông Phạm H (s) và bà Nguyễn Thị Tường (s); Có chồng là Lâm Văn B (đã ly hôn theo Quyết định số 70/2020/QĐST-HNGĐ của TAND quận T, TP Đà Nẵng) và có 4 người con (con thứ nhất sinh năm 2007, con thứ hai sinh năm 2011, con thứ ba sinh ngày 27/9/2018, con thứ tư sinh ngày 28/7/2021).

Tiền án / tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Vắng mặt, có đơn xin hoãn phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Phạm Thị H: Bà Nguyễn Thị H - Luật sư Văn phòng luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư TP Đà Nẵng, bào chữa theo yêu cầu của Tòa án. Có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Trần Minh N, sinh năm: 1964. Trú tại: TP Đà Nẵng. Có mặt.
2. Bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm: 1948. Trú tại: TP Đà Nẵng. Có mặt.
3. Bà Đỗ Thị Xuân M, sinh năm: 1941. Trú tại: TP Đà Nẵng. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1967; Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.
2. Ông Lâm Văn B, sinh năm 1978; Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.
3. Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1970; Địa chỉ: quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.
4. Bà Lâm Thị M sinh năm 1984; Địa chỉ: quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.
5. Ngân hàng V – C nhánh Đà Nẵng; Địa chỉ: thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.
6. Ngân hàng B – C nhánh Đà Nẵng; Địa chỉ: quận T, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Thị H có quan hệ quen biết với các ông bà Trần Minh N, Nguyễn Thị Kim C, Đỗ Thị Xuân M thông qua việc thường xuyên đến đền T thuộc phường H, quận C, TP. Đà Nẵng để lễ viếng, cúng bái. Vào thời điểm năm 2017, thấy các khu đất ở xung quanh đền T do nhà nước đang san lấp mặt bằng dang dở, nên H liền nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản bằng cách đưa ra thông tin gian dối với ông N, bà C, bà M về việc sắp có dự án bán đất nền tại khu vực xung quanh đền T, H có nhiều mối quan hệ quen biết nên có thể mua nhiều lô đất ở dự án này với giá rẻ và hứa hẹn sẽ chuyển nhượng lại các lô đất này cho ông N, bà C, bà M. Qua đó, làm cho những người này tin tưởng giao tiền cho H và H đã chiếm đoạt số tiền họ đưa, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất :

Khoảng tháng 9/2018, Phạm Thị H thỏa thuận bán cho Trần Minh N 02 lô đất dự án trên, giá 600.000.000 đồng/1 lô, đưa trước 50%, số tiền còn lại sẽ đưa đủ khi nhận đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ), không thỏa thuận thời hạn. Ngày 23/9/2018, ông N đưa cho Phạm Thị H số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) để đặt cọc mua đất, H viết giấy nhận cọc bán đất giao ông N giữ.

Ngày 29/9/2018, Phạm Thị H viết giấy đã nhận của ông Trần Minh N đủ số tiền 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng) là tiền cọc do Phạm Thị H nhận của ông N, bán 2 lô đất có diện tích 200m² với giá 1,2 tỉ đồng và cam kết Phạm Thị H có trách nhiệm ra sổ 2 lô đất trên cho ông N và ông N sẽ giao đủ số tiền còn lại.

Thực tế, thì sau khi nhận tiền lần đầu từ ông N, đến ngày 12/10/2018, Phạm Thị H đang sinh con nên nhờ Nguyễn Thị Hoài T nhận giúp từ ông Trần Minh N số tiền 200.000.000đ(hai trăm triệu đồng) để đặt cọc mua đất. Khoảng một tháng sau, H nói dối cần tiền để nhanh ra sổ đỏ, yêu cầu ông N đưa thêm cho Nguyễn Thị Hoài T số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Trong cả hai lần nhận tiền này, chị T đều viết giấy mượn tiền ngày 12/10/2018 và giấy cọc tiền đất (không ghi ngày) giao ông N giữ và chị T đưa lại toàn bộ số tiền này cho Phạm Thị H (chị T không biết hành vi lừa đảo của H).

Tổng số tiền Phạm Thị H chiếm đoạt của ông N là 700.000.000đ (bảy trăm triệu đồng). H khai đã dùng số tiền này tiêu xài cá nhân và đưa cho Nguyễn Thị Kim L đầu tư làm ăn nhưng thua lỗ hết. Không thu hồi được tài sản.

Vụ thứ 2:

Vào ngày 20/9/2018, Phạm Thị H thỏa thuận bán cho bà Nguyễn Thị Kim C 01 lô đất dự án với giá 600.000.000 đồng, diện tích 100m², đưa trước 50%. Phạm Thị H đã viết giấy nhận của bà C số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) số tiền còn lại sẽ đưa đủ khi nhận đất và sổ đỏ, không thỏa thuận thời hạn.

Phạm Thị H khai đã dùng số tiền này tiêu xài cá nhân và đưa cho Nguyễn Thị Kim L đầu tư làm ăn nhưng thua lỗ hết. Không thu hồi được tài sản.

Tổng số tiền Phạm Thị H chiếm đoạt của Nguyễn Thị Kim C là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng).

Vụ thứ 3:

Vào ngày 2/9/2018, H thỏa thuận bán cho bà Đỗ Thị Xuân M 01 lô đất dự án với giá 600.000.000 đồng, diện tích 100m², đưa trước 50%, số tiền còn lại sẽ đưa đủ khi nhận đất và sổ đỏ, không thỏa thuận thời hạn.

Phạm Thị H đã viết giấy nhận cọc tiền bán 1 lô đất có diện tích 100m² cho bà M và kí nhận số tiền cọc 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng). Phạm Thị H có trách nhiệm ra sổ và bà M giao số tiền còn lại 100.000.000đ.

Thực tế, trước đó ngày 29/8/2019 bà M đưa cho Phạm Thị H số tiền là 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) để đặt cọc mua đất, H viết giấy nhận cọc giao bà M giữ. Ngày 02/9/2018, bà M đưa thêm cho H số tiền 440.000.000đ(bốn trăm bốn mươi triệuđồng) để mua đất, H có viết giấy nhận tiền cọc với tổng số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) giao bà M giữ.

Phạm Thị H khai đã dùng số tiền này tiêu xài cá nhân và đưa cho Nguyễn Thị Kim L đầu tư làm ăn nhưng thua lỗ hết. Không thu hồi được tài sản.

Tổng số tiền Phạm Thị H chiếm đoạt của bà Đỗ Thị Xuân M là 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng).

Như vậy, tổng cộng số tiền Phạm Thị H chiếm đoạt của ông Trần Minh N, bà Nguyễn Thị Kim C, bà Đỗ Thị Xuân M là **1.500.000.000đ** (một tỷ năm trăm triệu đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác minh tại UBND phường H và Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng và phát triển đô thị Đà Nẵng xác định: Khu đất xung quanh đền T có ký hiệu là X1-2 khu E2 mở rộng - khu dân cư nam cầu C, Đà Nẵng. Ngày 31/12/2010 UBND TP Đà Nẵng có QĐ số 10444/QĐ-UBND giao cho Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng và phát triển đô thị Đà Nẵng là chủ đầu tư, kiêm quản lý dự án. Theo sơ đồ quy hoạch phê duyệt theo quyết định trên khu đất này là đất quy hoạch trồng cây xanh, công viên. Đến nay vẫn chưa hoàn tất việc san lấp mặt bằng, do dự án xây dựng bờ kè sông Vĩnh Điện của đơn vị khác điều hành đang tạm dừng thi công. Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng hạ tầng và phát triển đô thị Đà Nẵng không mở gói đấu thầu nào trên khu đất này và không nhận bất cứ hồ sơ nào của bà Phạm Thị H. Như vậy, đây là dự án cây xanh, công viên không được phân lô bán nền như lời nói của Phạm Thị H.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra, chị Nguyễn Thị Hoài T có đơn tố cáo Phạm Thị H chiếm đoạt số tiền 920.000.000đ (chín trăm hai mươi triệu đồng). Qua điều tra xác định đây là tiền Phạm Thị H nợ biếu và mượn của chị T; là tranh chấp dân sự không có dấu hiệu tội phạm.

Qua điều tra xác định, Phạm Thị H có 02 tài sản chung với chồng là Lâm Văn B gồm: số nhà 120 đường Đ, phường K, quận N TPĐN hiện đang thế chấp vay tiền tại Ngân hàng V chi nhánh Đà Nẵng (đã có bản án có hiệu lực của Tòa án vì nợ xấu), và thửa D32-56, tờ bản đồ 00, khu đô thị 7b, phường Đ, tx Đ, tỉnh Quảng Nam hiện cũng đang thế chấp tại Ngân hàng B C nhánh Đà Nẵng (đã có bản án có hiệu lực của Tòa án vì nợ xấu). Hiện cả 2 tài sản này đều được thế chấp để vay tiền tại ngân hàng, nên Cơ quan điều tra không tiến hành kê biên mà có văn bản đề nghị 02 Ngân hàng phối hợp với các cơ quan tiến hành tổ tụng trong việc bán thu hồi nợ để chi trả cho các bị hại (các tài sản trên vợ chồng Phạm Thị H đã nhờ bà Lâm Thị M (em ruột ông Lâm Văn B - là chồng của Phạm Thị H) đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở.

Với nội dung vụ án được xác định như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2022/HS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Thị H phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Căn cứ: điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, n, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Thị H 15** (mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về: Trách nhiệm dân sự; Án phí; Quy định về thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 12/7/2022, bị cáo Phạm Thị H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì cho rằng Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 15 năm tù là quá nặng so với hành vi phạm tội của Bị cáo và đề nghị mức hình phạt của Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm; ngày 14/7/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Kim L kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án vì Bà là người bị hại trong vụ án.

Tại phiên tòa: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của Bị cáo và kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2022/HS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng; Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Phạm Thị H.

Sau khi nghe: Nội dung và căn cứ kháng cáo của Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Kim L; quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án; căn cứ của Luật sư bào chữa cho bị cáo và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị cáo Phạm Thị H có đơn xin hoãn phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Kim L vắng mặt không có lý do. Luật sư bào chữa cho Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị xét xử vụ án theo quy định. Hội đồng xét xử căn cứ điểm điểm b, c khoản 1 Điều 351 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vụ án vắng mặt Bị cáo và Người liên quan.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2018 đến cuối tháng 10/2018, Phạm Thị H đã nhiều lần đưa thông tin gian dối là H có nhiều lô đất tại dự án xung quanh đền T thuộc phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng để lừa đảo và chiếm đoạt số tiền 1.500.000.000 đồng của những người bị hại gồm: chiếm đoạt của ông Trần Minh N 700.000.000 đồng; chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị Kim C 300.000.000 đồng; chiếm đoạt của bà Đỗ Thị Xuân M 500.000.000 đồng. Với hành vi và hậu quả như trên, Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2022/HS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã Tuyên bố bị cáo Phạm Thị H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Thị H thì thấy: Bị cáo H biết rõ thông tin mà bị cáo đưa ra là có nhiều lô đất trong dự án là hoàn toàn không đúng sự thật, bằng thủ đoạn này, Bị cáo đã chiếm đoạt số tiền 1.500.000.000 đồng của những người bị hại. Hành vi của Bị cáo là nguy hiểm, xâm phạm đến tài sản của người khác, số tiền bị cáo chiếm đoạt trên 500.000.000 đồng nên bị truy tố và xét xử theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân. Khi quyết định hình phạt đối với Bị cáo, Bản án sơ thẩm đã nhận định: “Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo; đã bồi thường một phần thiệt hại cho những người bị hại (mặc dù với mức bồi thường rất ít so với thiệt hại); khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đang mang thai (con thứ 3); hiện nay bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi (con thứ 4) ”; để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, n, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và xử phạt Bị cáo 15 năm tù là đúng tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm, Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào khác nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của Bị cáo. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 41/2022/HS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

[3]. Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Kim L đề nghị hủy Bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại vụ án vì Bà là người bị hại trong vụ án thì thấy: Bản án sơ thẩm nhận định: “ Đối với Nguyễn Thị Kim L, trong quá trình điều tra, L đã bán nhà bỏ đi khỏi địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra thông báo truy tìm nhưng chưa có kết quả. Khi nào Cơ quan điều tra làm việc được với bà L sẽ xem xét xử lý sau”. Nhận định của Bản án sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm được thể hiện trong hồ sơ vụ án nên yêu cầu của bà L đề nghị hủy Bản án sơ thẩm là không có căn cứ.

[4]. Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm về: Trách nhiệm dân sự; Án phí sơ thẩm; Quy định về thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo **Phạm Thị H**; không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2022/HS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Áp dụng: điểm a khoản 4 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, n, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị H 15** (mười lăm) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù của Bị cáo tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Án phí phúc thẩm: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Phạm Thị H** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm về: Trách nhiệm dân sự; Án phí sơ thẩm; Quy định về thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật và được thực hiện theo quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2022/HS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT - Công an Tp. Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - Công an Tp. Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS – Ca. Tp. Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến